

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 TUẦN GIÁO

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KQHĐGD 12 NĂM 2025

I. KẾ HOẠCH THÁNG 12

1. Công tác tư tưởng chính trị, thi đua

Thi đua lập thành tích chào mừng ngày 22/12. Giáo dục HS yêu đất nước và yêu chủ bộ đội và tiếp tục thi đua 2 tốt chào mừng lễ hội lớn trong năm, thực hiện tốt, hiệu quả các hoạt động giáo dục.

- Tiếp tục rèn học sinh tham gia các cuộc thi trên mạng:
- Duy trì giữ vững nề nếp lớp học, trường học, tập trung rèn chất lượng
- Chỉ đạo sinh hoạt chuyên đề trường.
- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.
- Ôn tập kiểm tra cuối kì I (Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 02/01/2026)
- Khảo sát và xếp loại CM giáo viên HKI
- BDTX theo kế hoạch
- Hoàn thiện các loại báo cáo cuối kì I
- Tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm kết quả KTĐG cuối Học kì I
- Kiểm kê tài sản, sách – Thiết bị
- Chốt số liệu trẻ sinh năm 2025
- Hoàn thiện hồ sơ phổ cập. Đón đoàn thẩm định PC cấp tỉnh.
- Thẩm định duy trì trường chuẩn Quốc gia và kiểm định chất lượng.
- Nghỉ tết dương lịch 01/01/2026 (thứ 5)

2. Thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã xây dựng, thực hiện tiến độ chương trình. Thực hiện kế hoạch dạy học các môn học từ các khối 1,2,3,4,5 yêu cầu nghiêm túc, tham gia sinh hoạt chuyên môn đảm bảo.

- Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên.

3. Chất lượng giáo dục học sinh

Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng đọc, viết, tính toán cho học sinh đạt chuẩn kiến thức kỹ năng theo trình độ học sinh ở từng khối lớp, từng môn học.

- + Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh để kiểm tra cuối học kỳ I
- Các câu lạc bộ hoạt động thường xuyên.
- Tiếp tục tổ chức cho HS tham gia các cuộc thi trên mạng.
- Giáo dục trẻ có hoàn cảnh khó khăn và học sinh khuyết tật đối với các lớp có HSKT.

- Yêu cầu trong cuộc họp chuyên môn có nội dung thảo luận đưa ra các giải pháp rèn học sinh.

4. Thực hiện các nề nếp chuyên môn, sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học, thực hiện chuyên đề, bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học...

- + Sinh hoạt CM trường, tổ nghiêm túc.
- + Thực hiện đảm bảo chương trình, thời khoá biểu, tăng cường dự giờ thăm lớp, tư vấn kịp thời.

- + Kiểm tra hồ sơ của giáo viên theo quy định.

- + GV thường xuyên UDCNTT trong các tiết học, tích cực sử dụng các phần mềm dạy học. Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ.

- + Tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch.

- + Khảo sát và xếp loại chuyên môn HKI, sơ kết công tác chuyên môn.

5. Công tác kiểm tra nội bộ

- Thực hiện kế hoạch tháng 01.

6. Công tác của các bộ phận trong nhà trường

- Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn Quốc gia: tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT.

- Phổ cập: đầy đủ hồ sơ theo quy định chuẩn bị đón đoàn kiểm tra của tỉnh.

- Văn thư hành chính: Cập nhật các văn bản chỉ đạo kịp thời; nộp báo cáo đúng thời gian. Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo tới toàn thể VC-LĐ.

- Y tế học đường: Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, sơ cấp cứu các trường hợp ốm đau tại trường.

- + Tiếp tục tuyên truyền công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa, TNTT,...

- Tài chính, kế toán:

- + Chi trả các chế độ cho GV, NV, HS theo quy định.

- Thư viện, thiết bị:

Sắp xếp phòng đọc, phòng thư viện, phòng thiết bị gọn gàng, sạch sẽ.

Cập nhật thông tin vào sổ theo dõi đảm bảo.

- Phục vụ: Tiếp tục làm tốt công tác vệ sinh các khu vực được phân công.

- Công tác lao động:

Tổ chức các buổi tổng vệ sinh, tạo không gian trường, lớp khang trang; chăm sóc bồn hoa, cây cảnh thường xuyên; lớp trực tuần thực hiện nhiệm vụ.

- Công tác bảo vệ trường học:

Tăng cường bảo quản, sử dụng an toàn CSVC, thiết bị trường học. Công tác an ninh trường học, không để xảy ra mất mát tài sản, công tác PCCC quan tâm, đôn đốc thường xuyên.

Công tác trực trường yêu cầu thực hiện nghiêm túc.

7. Công tác của các đoàn thể trong nhà trường

- Đội TNTPHCM:

Duy trì các nề nếp đội, thường xuyên đôn đốc nhắc nhở học sinh công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh tập thể, giáo dục lễ giáo, tăng cường kiểm tra nề nếp đội, lớp học.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: a1. Kết quả tuyển sinh:

Stt	Khối lớp	Kết quả tuyển sinh	
		Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Lớp 1	44	39
Tổng cộng		44	39

a2. Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật:

Khối	Tổng số học sinh									
	Năm báo cáo					Năm trước liền kề				
	Bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Số Nam/Nữ	Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật	Bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Số Nam/Nữ	Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật
1	44	44	17/27	26	1	39	39	19/20	25	
2	37	37	17/20	23		35	35	17/18	20	1
3	38	38	20/18	23	2	48	48	22/26	29	
4	45	45	23/22	28		57	57	31/26	26	2
5	58	58	32/26	27	1	56	56	26/30	30	
Tổng	222	222	109/113	127	4	235	235	115/120	130	4

a3. Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS chuyển trường	Tiếp nhận	HS chuyển trường	Tiếp nhận

1	/	44	1	39
2	0	37	1	35
3	0	38	2	48
4	1	45	2	57
5	0	58	0	56
Tổng	1	222	6	235

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp; **b1.** Thống kê kết quả đánh giá học sinh:

* Kết quả học tập học kì I

1. Phẩm chất:

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Yêu nước	Tốt	43	37	36	44	45	205
	%	100	100	100	97,8	78,9	94
	Đạt	0	0	0	1	12	13
	%	0	0	0	2,2	21,1	6
Nhân ái	Tốt	34	32	26	30	44	166
	%	79	86,4	72,2	66,7	77,2	76,1
	Đạt	9	5	10	15	13	52
	%	21	13,6	27,8	33,3	22,8	23,9
Chăm chỉ	Tốt	33	28	28	32	35	156
	%	76,7	75,6	77,7	71,1	61,4	71,6
	Đạt	10	9	8	13	22	62
	%	23,3	24,4	22,3	28,9	38,6	28,4
Trung thực	Tốt	34	30	27	32	46	169
	%	79	81	75	71,1	80,7	77,5
	Đạt	9	7	9	13	11	49
	%	21	19	25	28,9	19,3	22,5
Trách nhiệm	Tốt	36	33	25	30	34	158
	%	83,7	89	69,4	66,7	59,6	72,5

	Đạt	7	4	11	14	23	59
	%	16,3	11	30,6	31,1	40,4	27
	Chưa đạt	0	0	0	1	0	1
	%	0	0	0	2,2	0	0,5

2. Năng lực

- Những năng lực chung:

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Tự chủ và tự học	Tốt	30	30	22	30	33	145
	%	69,7	81	61,1	66,7	57,9	66,5
	Đạt	13	7	14	15	24	73
	%	30,3	19	38,9	33,3	42,1	33,5
Giao tiếp và hợp tác	Tốt	32	30	20	30	38	150
	%	74,4	81	55,5	66,7	66,7	66,8
	Đạt	11	7	16	15	19	68
	%	25,6	19	44,5	33,3	33,3	31,2
GQVĐ và sáng tạo	Tốt	30	28	21	30	33	142
	%	69,7	75,6	58,3	66,7	57,9	65,1
	Đạt	13	9	15	14	24	75
	%	30,3	24,4	41,7	31,1	42,1	34,4
	Chưa đạt	0	0	0	1	0	1
	%	0	0	0	2,2	0	0,5

- Những năng lực đặc thù:

Khối		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Ngôn ngữ	Tốt	30	33	23	27	35	148
	%	69,7	89	63,8			
	Đạt	13	4	13	17	22	69
	%	30,3	11	36,2			
	Chưa đạt	0	0	0	1	0	1

	%	0	0	0	2,2	0	0,5
Tính toán	Tốt	30	29	22	36	35	152
	%	69,7	78,3	61,1	80	61,4	69,7
	Đạt	13	8	14	8	22	65
	%	30,3	21,7	38,9	17,8	38,6	29,8
	Chưa đạt	0	0	0	1	0	1
		0	0	0	2,2	0	0,5
Khoa học/ TNXH	Tốt	30	31	23	25	24	133
	%	69,7	83,7	63,8	55,6	42,1	61
	Đạt	13	6	13	19	33	84
	%	30,3	16,3	36,2	42,2	57,9	38,5
	Chưa đạt	0	0	0	1	0	1
		0	0	0	2,2	0	0,5
Công nghệ	Tốt			22	25	36	83
	%			61,1	55,6	63,2	60,2
	Đạt			14	19	21	54
	%			38,9	42,2	36,8	39,1
	Chưa đạt			0	1	0	1
				0	2,2	0	0,7
Tin học	Tốt			24	24	24	72
	%			66,6	53,3	42,1	52,2
	Đạt			12	20	33	65
	%			33,4	44,5	57,9	47,1
	Chưa đạt			0	1	0	1
				0	2,2	0	0,7
Thẩm mỹ	Tốt	29	32	22	24	35	142
	%	67,4	86,4	61,1	53,3	61,4	65,1
	Đạt	14	5	14	21	22	76

	%	32,6	13,6	38,9	46,7	38,6	34,9
Thẻ chất	Tốt	29	32	23	27	40	151
	%	67,4	86,4	63,8	60	70,2	69,3
	Đạt	14	5	13	18	17	67
	%	32,6	13,6	36,2	40	29,8	30,7

***Học tập:**

Lớp	Tổng số HS	HTT		HT		CHT	
		SL	%	SL	%	SL	%
1A1	21/22	14	66,7	6	28,5	1	4,8
1A2	22	17	81,8	5	18,2	0	0
2A1	18	8	44,4	10	55,6	0	0
2A2	19	11	57,8	8	42,2	0	0
3A	36/38	20	56,0	16	44,0	0	0
4A1	23	9	39,1	13	56,6	1	4,3
4A2	22	10	45,5	11	50	1	4,5
5A1	28/29	17	60,7	11	39,3	0	
5A2	29	15	51,7	14	48,3	0	
Tổng	218/222	121	55,5	94	43,1	3	1,4

*** Kết quả giáo dục:**

Lớp	Tổng số HS	HTXS		HTT		HT		CHT	
		SL	%	S L	%	SL	%	S L	%
1A1	21/22	6	28,5	5	23,8	9	42,8	1	4,9
1A2	22	7	31,8	5	22,7	10	45,5	0	0
2A1	18	3	16,6	5	27,7	10	55,7	0	0
2A2	19	10	52,6	1	5,2	8	42,2	0	0

3A	36/38	9	25	1 1	30, 5	16	44,5	0	0
4A1	23	3	13	6	26, 1	13	56,6	1	4 , 3
4A2	22	2	9,1	8	36, 4	11	50	1	4 , 5
5A1	28/29	5	17, 9	1 2	42, 8	11	39,3	0	
5A2	29	5	17, 2	1 0	34, 5	14	48,3	0	
Tổng	218/222	50	22, 9	6 3	28, 9	10 2	46,8	3	1 , 4

*** Kết quả môn Tiếng Anh:**

LỚP	TS HS	TSHS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3A	38	36	20	56, 0	16	44, 0	0	0	
4A 1	23	23	10	43, 5	13	56, 5			
4A 2	22	22	7	31, 8	15	68, 2			
5A 1	29	28	18	64, 3	10	35, 7			
5A 2	29	29	14	48, 3	15	51, 7			

Tổ ng	141	138	69	50	69	50			
------------------	------------	------------	-----------	-----------	-----------	-----------	--	--	--

***Kết quả môn Tin học:**

LỚP	TS HS	TSHS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3A	38	36	24	67, 0	12	33 ,0	0	0	
4A 1	23	23	13	56, 5	10	43 ,5	0		
4A 2	22	22	9	40, 9	13	59 ,1	0		
5A 1	29	28	19	67, 8	9	35 ,7	0		
5A 2	29	29	15	51, 7	14	48 ,3	0		
Tổ ng	141	138	80	58, 0	58	42 ,0			

***Kết quả môn Công nghệ**

LỚP	TS HS	TSHS xếp loại	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		CHT		Ghi chú
			SL	%	SL	%	S L	%	
3A	38	36	22	61, 0	14	39 ,0	0		
4A 1	23	23	9	39, 1	14	60 ,9	0		
4A 2	22	22	8	36, 4	14	63 ,6	0		
5A 1	29	28	18	64, 3	10	35 ,7	0		

5A 2	29	29	17	58, 6	12	41 ,4	0		
Tổ ng	141	138	74	53, 6	64	46 ,4	0		

***Kết quả tham gia các cuộc thi:**

- Kết quả thi chữ viết đẹp cấp trường cấp trường:

Khối	Đạt giải				Ghi chú
	Nhất	Nhì	Ba	KK	
Khối 1	12	6	0	2	
Khối 2	6	8	8	4	
Khối 3	5	4	2	9	
Khối 4	0	1	4	15	
Khối 5	10	2	8	11	
Tổng	33	21	22	41	

- Thi giải Trạng nguyên Tiếng Việt trên mạng cấp trường:

Khối	Đạt giải				Ghi chú
	Nhất	Nhì	Ba	KK	
Khối 1	0	7	5	3	
Khối 2	0	1	3	0	
Khối 3	2	3	2	1	
Khối 4	0	0	0	0	
Khối 5	0	1	3	2	
Tổng	2	12	13	6	

- Kết quả tham gia Tiếng Anh trên mạng cấp trường:

Khối	Đạt giải				Ghi chú
	Nhất	Nhì	Ba	KK	
Khối 3	0	0	1	6	
Khối 4	0	1	1	4	

Khối 5	3	2	3	7	
Tổng	3	3	5	17	

*** Khen thưởng (cuối học kì 1):**

- + Khen HS xuất sắc: 50/218 em đạt 22,9 %
- + Khen HSTB (MT): 63/218 em đạt 28,9 %
- Lớp Tiên tiến xuất sắc: 9/9 Lớp

b2. Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS được lên lớp	HS không được lên lớp	HS được lên lớp	HS không được lên lớp
1	44	/	39	0
2	37	/	35	0
3	38	/	48	0
4	45	/	57	0
5	58	/	56	0
Tổng	222	/	235	0

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở; số lượng học sinh trúng tuyển vào trung học phổ thông:

c1. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp:

Khối lớp	Số lượng học sinh			
	Năm báo cáo		Năm trước liền kề	
	HS được Công nhận HTCT	HS được Cấp bằng TN	HS được Công nhận HTCT	HS được Cấp bằng TN
1	/	/	39	/
2	/	/	35	/

3	/	/	48	/
4	/	/	57	/
5	/	/	56	
Tổng	/	/	235	

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). Nhà trường không thực hiện.

*** Giải pháp:**

- Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, GVCN phối hợp thực hiện tốt các hoạt động hàng tuần theo các chủ đề, các ngày lễ lớn. Sáng tạo ra các hình thức vui chơi, hấp dẫn các em, qua đó góp phần giáo dục ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể tạo niềm vui ham thích đến trường, hăng say học tập.
- Tiếp tục thực hiện công tác giáo dục an toàn giao thông (dạy các bài về ATGT theo quy định).
- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, triển khai quán triệt, tuyên truyền các nội dung cơ bản của Kế hoạch tới cán bộ, viên chức, đảng viên trong nhà trường.
- Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh; đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tội phạm cho thiếu niên, nhi đồng. Tổ chức tốt hoạt động tư vấn tâm lý trong trường Tiểu học theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GDĐT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Hoàng Thanh Phương